

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 1

(Từ 24/8/2015 – 28/8/2015)

THỨ	NGÀY	TIẾT	TÊN BÀI DẠY
2	24/8/2015	4	Ôn tập các số đến 100
3	25/8/2015	3	Ôn tập các số đến 100 (tiếp theo)
4	26/8/2015	1	Số hạng – Tổng
5	27/8/2015	1	Luyện tập
	Chiều	1	Đề xi mét

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100

I.MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết đếm, đọc, viết các số đến 100. Thứ tự của các số.
- Nhận biết được các số có một chữ số, các số có hai chữ số; số lớn nhất; số bé nhất có một chữ số; số lớn nhất, số bé nhất có hai chữ số; số liền trước, số liền sau.
- Bài tập cần làm 1, 2, 3

2. Kỹ năng:

- HS giải được các bài toán với các dạng đã học.

3. Thái độ:

- HS yêu thích việc giải toán, giải toán an toàn.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

* Giáo viên:

* Học sinh: SGK, VBT Toán 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định: Hát

2. Kiểm tra: Đồ dùng học tập

3. Bài mới:

- Giới thiệu bài: Ôn tập các số đến 100.

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh
<p>* Thực hành</p> <p>Bài 1: Gọi HS đọc yêu cầu GV hướng dẫn HS nêu</p> <p>Bài 2: Gọi HS đọc yêu cầu -Bảng phụ: Vẽ sẵn 1 bảng cái ô vuông -Hướng dẫn HS viết tiếp các số có 2 chữ số.</p>	<p>Bài 1: HS đọc yêu cầu. HS điền lần lượt theo thứ tự :3,4,5,6,7,8,9. Số 0 là số bé nhất có 1 chữ số. Số 9 là số lớn nhất có 1 chữ số. Bài 2:HS đọc yêu cầu bài toán.. HS điền đầy đủ các số còn thiếu theo thứ tự.</p>

Bài 3: Gọi HS đọc yêu cầu
GV nhắc lại cho HS số liền trước, số liền sau.

33	34	35
----	----	----

- Liền trước của 34 là 33.
- Liền sau của 34 là 35.

Số bé nhất có 2 chữ số là 10
Số lớn nhất có 2 chữ số là 99.
Bài 3:HS đọc yêu cầu, làm bài.
Số liền trước của 39 là 40.
Số liền trước của 90 là 89.
Số liền trước của 99 là 98
Số liền sau của 99 là 100

4. Củng cố - dặn dò

- Trò chơi: “Nêu nhanh số liền sau, số liền trước của 1 số cho trước”. GV nêu 1 số rồi chỉ vào 1 HS nêu ngay số liền sau rồi cho 1 HS kế tiếp nêu số liền trước hoặc ngược lại.

- Xem lại bài, chuẩn bị: Ôn tập các số đến 100 (tiếp theo).

5. Nhận xét tiết học.

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 (TIẾP THEO)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết viết số có hai chữ số thành tổng của số chục và số đơn vị, thứ tự của các số.
- Biết đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 100.
- HSKG làm thêm BT 2

2. Kỹ năng:

- HS giải được các bài toán với các dạng đã học.

3. Thái độ:

- HS yêu thích việc giải toán, giải toán cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

* Giáo viên:

Kẻ, viết sẵn bảng (như bài 1 SGK), SGK Toán 2.

* Học sinh: SGK, VBT Toán 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định: Hát

2. Kiểm tra bài cũ : Gọi HS đọc:

- + Từ 10 đến 30.
- + Từ 88 đến 100.

3. Bài mới:

- Giới thiệu bài: Ôn tập các số đến 100 (tiếp theo)

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh
* Hướng dẫn làm bài tập	
Bài 1: GV hướng dẫn HS làm theo mẫu.	Bài 1: HS đọc yêu cầu, làm bài 36: Ba mươi sáu $36 = 30 + 6$ 71: Bảy mươi mốt $71 = 70 + 1$
GV chữa bài cho HS.	94: Chín mươi tư $94 = 90 + 4$
Bài 2: Gọi HS khá giỏi làm	Bài 2: HS đọc yêu cầu, HS khá, giỏi làm. $98 = 90 + 8$ $61 = 60 + 1$ $88 = 80 + 8$ $74 = 70 + 4$ $47 = 40 + 7$ $55 = 50 + 5$
Bài 3: Nêu cách thực hiện	Bài 3: đọc yêu cầu.
Khi sửa bài GV yêu cầu HS giải thích vì sao đặt dấu >, < hoặc = vào chỗ chấm.	$34 < 38$ $80 + 6 > 85$ $72 > 70$ $40 + 4 = 44$ $27 < 72$ $68 = 68$
Bài 4: Hướng dẫn cách làm.	Bài 4: Đọc yêu cầu. lắng nghe hướng dẫn, làm bài.
GV chữa bài cho HS.	a/ 28,33,45,54 b/ 54,45,33,28
Bài 5: Nêu cách làm, gọi HS làm.	Bài 5: HS làm, nhận xét
GV chữa bài cho HS.	Điền lần lượt: 67,76,84, 93,98.

4. Củng cố - dặn dò :

- Trò chơi: Ai nhanh hơn
- Xem lại bài, chuẩn bị bài: Số hạng – tổng.

5. Nhận xét tiết học.

SỐ HẠNG – TỔNG

I. MỤC TIÊU

- Biết số hạng; tổng
- Biết thực hiện phép cộng các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100.
- Biết giải bài toán có lời văn bằng một phép cộng.

2. Kỹ năng:

- HS giải được các bài toán với các dạng Số hạng – Tổng .
- HS yêu thích việc giải toán, giải toán cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC* Giáo viên: Bảng phụ ghi số hạng, tổng như SGK, SK Toán2.

* Học sinh: SGK, VBT

III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định: Hát

2.Kiểm tra bài cũ : Gọi HS đọc, viết các số 99, 62,73,100.

GV nhận xét, đánh giá

3.Bài mới: Giới thiệu bài: Số hạng- tổng

4. Nhận xét - dặn dò:

- Nhắc tên gọi thành phần và kết quả của phép cộng.

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh
<p>* Giới thiệu số hạng và tổng</p> <p>- Ghi bảng phép cộng</p> $35 + 24 = 59$ <p>35 gọi là số hạng 24 gọi là số hạng 59 gọi là tổng.</p> <p>-Yêu cầu HS đọc tính cộng theo cột dọc Nêu tên các số trong phép cộng theo cột dọc Trong phép cộng $35 + 24$ cũng là tổng</p> <p>c/ Hướng dẫn HS thực hành</p> <p>Bài 1: HS đọc yêu cầu</p> <p>-Muốn tìm tổng ta phải làm như thế nào? Cho HS làm, GV chữa bài cho HS.</p> <p>Bài 2:GV hướng dẫn HS đặt phép tính thẳng cột.</p> <p>-Số hạng thứ 1 ta để trên, số hạng thứ 2 ta để dưới. Sau đó cộng lại theo cột (viết từng chữ số thẳng cột)</p> <p>Bài 3: Hướng dẫn HS tóm tắt</p> <p>Để tìm số xe đạp ngày hôm đó bán được ta làm như thế nào?</p> <p style="text-align: center;">Tóm tắt</p> <p>Buổi sáng bán: 12 xe đạp Buổi chiều bán: 20 xe đạp Hai buổi bán: xe đạp? GV chấm vở và chữa bài cho HS.</p>	<p>HS đọc phép cộng</p> $35 + 24 = 59$ <p>Đọc CN-ĐT</p> $\begin{array}{r} 35 \\ + 24 \\ \hline \end{array}$ <p>35 --> số hạng <u>24</u> --> số hạng 59 --> tổng</p> <p>Bài 1: HS đọc yêu cầu. HS nêu HS làm bài tính tổng lần lượt là</p> $\begin{array}{r} 6 \\ + 53 \\ \hline 59 \end{array} \quad \begin{array}{r} 30 \\ + 28 \\ \hline 58 \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ + 20 \\ \hline 29 \end{array}$ <p>Bài 2: Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>Bài 3: HS đọc đề toán, trả lời câu hỏi của GV. Làm vào vở.</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p>Số xe đạp 2 buổi cửa hàng bán được là:</p> $12 + 20 = 32 \text{ (xe đạp)}$ <p>Đáp số: 32 xe đạp</p>

LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết cộng nhẩm số tròn chục có hai chữ số.
- Biết tên gọi thành phần và kết quả của phép cộng.
- Biết thực hiện phép cộng các số có hai chữ số không nhớ trong phạm vi 100.
- Biết giải bài toán bằng một phép cộng
- HS khá, giỏi làm được các BT: bài 2 cột 1, 3, bài 3 b, bài 5.

2. Kỹ năng:

- HS giải được các bài toán với các dạng đã học.

3. Thái độ:

- HS yêu thích việc giải toán, giải toán cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Giáo viên: SGK Toán 2.

Học sinh: SGK, VBT Toán 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định: Hát

2. Kiểm tra bài cũ : Gọi HS nêu lại các thành phần của phép cộng. GV nhận xét, đánh giá điểm.

3. Bài mới

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh
<p>* Hướng dẫn làm bài tập</p> <p>Bài 1: Nêu cách thực hiện Nêu tên các thành phần trong phép cộng Cho HS làm, GV chữa bài cho HS.</p> <p>Bài 2: Hướng dẫn làm bài - Cộng nhẩm từ trái sang phải</p> <p>- Các cột còn lại gọi HS khá, giỏi làm.</p> <p>Bài 3: Nêu yêu cầu và cách thực hiện Cho HS làm bảng con.</p> <p>Bài 4: Gọi HS nêu yêu cầu, HS làm, nhận xét. GV hướng dẫn HS làm tóm tắt.</p> <p style="text-align: center;">Tóm tắt</p> <p>Có :25 học sinh trai Và :32 học sinh gái Có tất cả: ...học sinh? GV chấm và chữa bài cho HS.</p> <p>Bài 5: Gọi HS đọc yêu cầu, Cho HS khá, giỏi làm, GV nhận xét, tuyên dương</p>	<p>Bài 1: Đọc yêu cầu, HS làm bài.</p> $\begin{array}{r} 34 \\ + 42 \\ \hline 76 \end{array} \quad \begin{array}{r} 53 \\ + 26 \\ \hline 79 \end{array} \quad \begin{array}{r} 29 \\ + 40 \\ \hline 69 \end{array} \quad \begin{array}{r} 62 \\ + 5 \\ \hline 67 \end{array}$ <p>Bài 2: Đọc yêu cầu, làm bài</p> $40 + 10 + 10 = 60$ $40 + 20 = 60$ <p>Bài 3: HS làm bài, sửa bài</p> $\begin{array}{r} 43 \\ + 25 \\ \hline 68 \end{array} \quad \begin{array}{r} 20 \\ + 68 \\ \hline 88 \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 21 \\ \hline 26 \end{array}$ <p>Bài 4: làm vào vở. Bài giải Số học sinh trong thư viện có tất cả là: $25 + 32 = 57$ (học sinh) Đáp số: 57 học sinh</p> <p>Bài 5: HS khá, giỏi làm.</p> $\begin{array}{r} 32 \\ + 45 \\ \hline 77 \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ + 21 \\ \hline 57 \end{array} \quad \begin{array}{r} 58 \\ + 20 \\ \hline 78 \end{array} \quad \begin{array}{r} 55 \\ + 31 \\ \hline 86 \end{array}$

4. Củng cố - dặn dò:

-Xem lại bài, Chuẩn bị bài: Đêximet

5. Nhận xét tiết học:.

----- ĐỀ XI MÉT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết đề- xi- mét là một đơn vị đo độ dài; tên gọi, kí hiệu của nó; biết quan hệ giữa dm và cm, ghi nhớ 1dm = 10 cm

- Nhận biết được độ lớn của đơn vị đo dm; so sánh độ dài đoạn thẳng trong trường hợp đơn giản; thực hiện phép cộng, trừ các số đo độ dài có đơn vị đo là đề- xi- mét.

- Bước đầu tập đo và ước lượng các độ dài theo đơn vị đề - xi –met.

- HS khá, giỏi làm được các BT:bài 3.

2. Kĩ năng:

- HS giải được các bài toán với các dạng có đơn vị dm.

3. Thái độ:

- HS yêu thích việc giải toán, giải toán cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

* Giáo viên:

Một băng giấy có chiều dài 10 cm, SGK Toán 2.

* Học sinh: SGK, VBT Toán 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định: hát

2. Kiểm tra bài cũ : Gọi HS đặt tính và tính:

22+13, 15+22.

GV nhận xét, đánh giá điểm

3. Bài mới:

- Giới thiệu bài: Đêximét

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh
<p>* Giới thiệu đơn vị đo độ dài Đêximét</p> <p>Phát băng giấy cho HS yêu cầu HS đo độ dài và ghi số đo lên giấy.</p> <p>- Giới thiệu “10 xăngtimét còn gọi là 1 đêximét”</p> <p>- Đêximét viết tắt là dm</p> <p>-Trên tay các em đã có băng giấy dài 10 cm. Nêu lại số đo của băng giấy theo đơn vị đo là đêximét</p> <p>-Yêu cầu HS ghi số đo vừa đọc lên băng giấy .</p> <p>Yêu cầu HS đọc kết quả rồi ghi bảng:</p> $10 \text{ cm} = 1 \text{ dm}$ <p>-1 dm bằng mấy cm?</p> <p>Yêu cầu HS chỉ ra trên thước thẳng đoạn có độ dài 1 dm.</p> <p>* Hướng dẫn học sinh làm bài tập</p> <p>Bài 1: Điền “ngắn hơn” hoặc “dài hơn” vào chỗ chấm.GV hướng dẫn HS so sánh các đoạn thẳng theo yêu cầu của bài.</p> <p>Câu a/ so sánh đoạn AB, CD với đoạn 1 dm.</p> <p>Câu b/ so sánh với đoạn trực tiếp là AB và CD</p>	<p>HS nêu cách đo, thực hành đo.</p> <p>- 1 vài HS đọc lại</p> <p>- 1 và HS đọc: Băng giấy dài 1 đêximét</p> <p>- HS ghi: $10 \text{ cm} = 1 \text{ dm}$</p> <p>HS nêu</p> <p>HS thực hiện</p> <p>Bài 1:HS đọc yêu cầu bài toán.</p> <p>Độ dài đoạn thẳng AB <u>lớn hơn</u> 1dm.</p> <p>Độ dài đoạn thẳng CD <u>bé hơn</u> 1dm.</p> <p>Đoạn thẳng AB <u>dài hơn</u> đoạn thẳng CD</p> <p>Đoạn thẳng CD <u>ngắn hơn</u> đoạn thẳng AB.</p>

<p>Bài 2: Tính (theo mẫu) - Không được viết thiếu tên đơn vị ở kết quả. GV chữa bài cho HS.</p> <p>Bài 3: Gọi HS khá, giỏi làm. Không thực hiện phép đo hãy ước lượng độ dài rồi ghi số thích hợp vào chỗ chấm. Không được dùng thước đo, chỉ ước lượng với 1 dm để đoán ra rồi ghi vào chỗ chấm.</p>	<p>Bài 2: HS đọc yêu cầu. $8 \text{ dm} + 2 \text{ dm} = 10 \text{ dm}$ $3 \text{ dm} + 2 \text{ dm} = 5 \text{ dm}$ $9 \text{ dm} + 10 \text{ dm} = 19 \text{ dm}$ $10 \text{ dm} - 9 \text{ dm} = 1 \text{ dm}$</p> <p>Bài 3: HS khá giỏi làm AB: 9 cm CD : 12 cm.</p>
---	--

4. Nhận xét - dặn dò :

- Hỏi 2dm ... cm ?
- Xem lại bài, chuẩn bị bài: Luyện tập

5. Nhận xét tinh thần học tập của học sinh.

LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 2

(Từ 31/8/2015 – 4/9/2015)

THỨ	NGÀY	TIẾT	TÊN BÀI DẠY
2	31/8/2015	4	Luyện tập
3	1/9/2015	3	Số bị trừ – Số trừ – Hiệu
4	2/9/2015	1	Luyện tập
5	3/9/2015	1	Luyện tập chung
	CHIỀU	1	Luyện tập chung

LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết quan hệ giữa dm và cm để viết số đo có đơn vị là cm thành dm và ngược lại trong trường hợp đơn giản.
- Nhận biết được độ dài dm trên thước thẳng.
- Biết ước lượng độ dài trong trường hợp đơn giản.
- Vẽ được đoạn thẳng có độ dài 1dm
- HS khá, giỏi làm được các BT: bài 3 cột 3.

2. Kỹ năng:

- HS giải được các bài toán với các dạng đã học.

3. Thái độ:

- HS yêu thích việc giải toán, giải toán cẩn thận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

* Giáo viên:

Mỗi nhóm HS có thước thẳng có các vạch chia thành từng cm và từng chục cm.
SGK Toán 2.

* Học sinh: SGK, VBT Toán 2.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định: hát

2. Kiểm tra bài cũ : Gọi HS đổi đơn vị:

$$10 \text{ cm} = \dots \text{ dm}$$

$$1 \text{ dm} = \dots \text{ cm}$$

GV nhận xét

3. Bài mới:

- Giới thiệu bài : Luyện tập.

Hoạt động giáo viên	Hoạt động học sinh
* Hướng dẫn làm bài tập Bài 1: Gọi HS đọc yêu cầu, HS làm ,nhận xét	Bài 1: HS đọc yêu cầu, làm bài 10 cm = 1 dm